

Ý nghĩa chiến lược của Đại hội XIV của Đảng đối với sự phát triển đất nước

Strategic significance of the 14th National Party Congress for the country's development

TS. NGÔ VĂN HÙNG

Học viện Hành chính và Quản trị công; Email: ngovanhung1611@gmail.com

Ngày nhận bài: 04/5/2026

Ngày phản biện: 26/6/2026

Ngày duyệt đăng: 20/7/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Lý luận chính trị

Tóm tắt: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra trong bối cảnh thế giới chuyển biến sâu sắc dưới tác động của toàn cầu hóa, cạnh tranh chiến lược và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Những biến động này đang làm thay đổi cấu trúc của nền kinh tế toàn cầu, buộc các quốc gia phải tái định vị mô hình phát triển theo hướng dựa trên tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trên cơ sở kế thừa thành tựu gần bốn thập kỷ đổi mới, Đại hội XIV đã xác lập các động lực tăng trưởng mới, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và thể chế phát triển. Bài viết phân tích làm rõ Đại hội XIV như một bước phát triển mang tính bước ngoặt trong tư duy chiến lược của Đảng, làm rõ sự chuyển dịch trong mô hình tăng trưởng, các động lực phát triển mới và những thách thức trong quá trình hiện thực hóa.

Từ khóa: Đại hội XIV; chiến lược; phát triển.

Abstract: The 14th National Congress of the Communist Party of Vietnam was convened against a backdrop of profound global transformations driven by globalization, strategic competition, and the Fourth Industrial Revolution. These changes are reshaping the structure of the global economy, requiring countries to reposition their development models toward knowledge-, technology-, and innovation-driven growth. Building on the achievements of nearly four decades of Đổi mới (Renewal), the 14th National Party Congress identified new drivers of economic growth, with particular emphasis on science and technology, digital transformation, and development institutions. This article examines the 14th National Party Congress as a landmark advancement in the Party's strategic thinking, highlighting the shift in the growth model, the emergence of new development drivers, and the challenges involved in translating these strategic orientations into practice.

Keywords: 14th National Party Congress; strategy; development.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam, các kỳ Đại hội của Đảng không chỉ mang ý nghĩa tổng kết thực tiễn mà còn đóng vai trò định hình chiến lược phát triển quốc gia trong dài hạn. Đại hội XIV diễn ra trong bối cảnh thế giới đang trải qua những biến đổi mang tính cấu trúc, đặc biệt là dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa

các quốc gia và những bất ổn của kinh tế toàn cầu. Những yếu tố này đang làm thay đổi sâu sắc phương thức sản xuất, phân phối và quản trị xã hội, buộc các quốc gia phải điều chỉnh mô hình phát triển để thích ứng (Schwab, 2016; OECD, 2022).

Một trong những xu hướng nổi bật của kinh tế thế giới hiện nay là sự chuyển dịch từ mô hình tăng trưởng dựa vào các yếu tố đầu vào truyền thống sang mô hình dựa trên tri thức và đổi mới sáng tạo.

Theo OECD (2022), chuyển đổi số đã trở thành động lực cốt lõi của tăng trưởng kinh tế trong thế kỷ XXI, trong khi World Bank (2023) nhấn mạnh rằng các nền kinh tế đầu tư mạnh vào công nghệ và hạ tầng số có khả năng nâng cao năng suất lao động và duy trì tăng trưởng bền vững. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam trong việc chuyển đổi mô hình phát triển.

Sau gần bốn thập kỷ đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, với tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định và đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, mô hình tăng trưởng hiện tại vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là sự phụ thuộc vào vốn đầu tư và lao động giá rẻ, trong khi năng suất lao động còn thấp (World Bank, 2023). Nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình đặt ra yêu cầu phải có những đột phá trong tư duy phát triển. Trong bối cảnh đó, Đại hội XIV được kỳ vọng sẽ tạo ra bước chuyển quan trọng trong việc xác lập mô hình phát triển mới, dựa trên khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là liệu các định hướng chiến lược này có đủ khả năng tạo ra sự thay đổi mang tính đột phá hay không, và những điều kiện nào sẽ quyết định hiệu quả của quá trình triển khai.

Bài viết hướng tới làm rõ ba vấn đề chính: (i) sự phát triển trong tư duy chiến lược của Đảng tại Đại hội XIV; (ii) các động lực tăng trưởng mới; và (iii) những thách thức trong quá trình hiện thực hóa các định hướng chiến lược.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện theo cách tiếp cận nghiên cứu định tính, kết hợp phân tích lý luận với tổng kết thực tiễn nhằm làm rõ sự phát triển trong tư duy chiến lược của Đảng tại Đại hội XIV. Cách tiếp cận này phù hợp với nghiên cứu khoa học chính trị và quản trị công, cho phép phân tích các vấn đề về tư duy chiến lược, thể chế và định hướng phát triển quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế (Creswell, 2014; Yin, 2018; UNDP, 2022; World Bank, 2023).

Phương pháp phân tích tài liệu được sử dụng làm phương pháp chủ đạo, tập trung vào Văn kiện Đại hội XIII, các văn kiện Đại hội XIV và các nghị

quyết của Đảng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm làm rõ sự vận động của tư duy chiến lược và các định hướng phát triển mới (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021; Bộ Chính trị, 2024; Hall, 1993; Schmidt, 2008). Đồng thời, bài viết vận dụng phương pháp so sánh lịch đại để đối chiếu quan điểm phát triển qua các kỳ Đại hội, qua đó nhận diện tính kế thừa và những điểm đổi mới trong mô hình tăng trưởng của Việt Nam (Porter, 1990; Schwab, 2016; OECD, 2022).

Bên cạnh đó, phương pháp phân tích – tổng hợp và cách tiếp cận liên ngành được sử dụng nhằm xây dựng khung phân tích về các động lực phát triển mới, kết hợp các góc nhìn của kinh tế học phát triển, khoa học chính trị và quản trị công. Việc đối chiếu các nghiên cứu và báo cáo của OECD, World Bank và UNDP giúp đánh giá tính phù hợp và khả thi của các định hướng chiến lược trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số (North, 1990; Acemoglu & Robinson, 2012; Rodrik, 2007; Stiglitz, 2016; OECD, 2022; UNDP, 2022; World Bank, 2023).

Về phạm vi nghiên cứu, bài viết tập trung phân tích các định hướng phát triển từ sau Đại hội XIII đến nay, đồng thời có sự liên hệ với các giai đoạn trước để làm rõ tính kế thừa và phát triển trong tư duy chiến lược của Đảng.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Đại hội XIV của Đảng đánh dấu một bước phát triển mang tính chuyển đổi trong tư duy chiến lược về mô hình phát triển của Việt Nam. Nếu như trong các giai đoạn trước, tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào việc khai thác các yếu tố đầu vào truyền thống như vốn đầu tư, tài nguyên và lao động giá rẻ, thì tại Đại hội XIV, tư duy phát triển đã có sự chuyển dịch rõ rệt theo hướng dựa trên tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Sự chuyển dịch này không chỉ phản ánh yêu cầu nội tại của nền kinh tế Việt Nam mà còn phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế toàn cầu trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Schwab, 2016; OECD, 2022; World Bank, 2023).

Trước hết, một trong những kết quả quan trọng nhất là việc xác lập khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo như là động lực trung tâm của tăng

trường. Điều này thể hiện sự thay đổi căn bản trong nhận thức về các yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia. Theo lý thuyết của Porter (1990), lợi thế cạnh tranh bền vững của một quốc gia không nằm ở các yếu tố sẵn có mà phụ thuộc vào khả năng tạo ra giá trị gia tăng thông qua đổi mới sáng tạo. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo không chỉ giúp tăng năng suất lao động mà còn tạo điều kiện để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu (OECD, 2022; World Bank, 2023). Như vậy, định hướng của Đại hội XIV có thể được xem là sự nội địa hóa các xu thế phát triển toàn cầu vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Một điểm đáng chú ý là sự chuyển dịch từ tư duy “tăng trưởng theo chiều rộng” sang “tăng trưởng theo chiều sâu”. Trong nhiều năm, mô hình tăng trưởng của Việt Nam dựa chủ yếu vào việc mở rộng quy mô sản xuất thông qua tăng vốn đầu tư và sử dụng lao động. Tuy nhiên, mô hình này đã bộc lộ những hạn chế, đặc biệt là hiệu quả sử dụng vốn thấp và năng suất lao động chưa cao (World Bank, 2023). Đại hội XIV đã xác định rõ yêu cầu phải chuyển sang mô hình tăng trưởng dựa trên nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Điều này phù hợp với quan điểm của các nhà kinh tế học phát triển, theo đó tăng trưởng bền vững chỉ có thể đạt được khi dựa trên đổi mới công nghệ và cải thiện chất lượng nguồn nhân lực (Rodrik, 2007; Stiglitz, 2016).

Bên cạnh khoa học - công nghệ, chuyển đổi số được xác định là động lực nền tảng có khả năng tái cấu trúc toàn diện nền kinh tế và hệ thống quản trị quốc gia. Không giống như các giai đoạn trước, nơi công nghệ chủ yếu đóng vai trò hỗ trợ, trong bối cảnh hiện nay, công nghệ số đã trở thành yếu tố trung tâm định hình phương thức sản xuất, phân phối và tiêu dùng (Brynjolfsson & McAfee, 2014; Schwab, 2016). Theo OECD (2022), chuyển đổi số không chỉ giúp gia tăng năng suất mà còn tạo ra các mô hình kinh doanh mới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao hiệu quả quản trị. Trong trường hợp của Việt Nam, chuyển đổi số còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc rút ngắn

khoảng cách phát triển với các quốc gia tiên tiến (World Bank, 2023).

Tuy nhiên, việc triển khai chuyển đổi số không phải là một quá trình đơn giản. Một trong những thách thức lớn là sự thiếu đồng bộ về hạ tầng số, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn và vùng sâu, vùng xa. Ngoài ra, năng lực tiếp cận và sử dụng công nghệ của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, còn hạn chế (World Bank, 2023; OECD, 2022). Điều này cho thấy chuyển đổi số không chỉ là vấn đề công nghệ mà còn là vấn đề thể chế và nguồn nhân lực, đòi hỏi phải có các chính sách hỗ trợ đồng bộ.

Một kết quả quan trọng khác của Đại hội XIV là sự nhấn mạnh vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao như một trong những động lực then chốt của phát triển. Trong nền kinh tế tri thức, con người không chỉ là yếu tố sản xuất mà còn là chủ thể sáng tạo ra tri thức và công nghệ (Becker, 1993). Tuy nhiên, thực tế cho thấy chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ cao và đổi mới sáng tạo (World Bank, 2023). Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải cải cách hệ thống giáo dục và đào tạo theo hướng gắn kết chặt chẽ hơn với nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu của nền kinh tế số (OECD, 2022).

Bên cạnh các động lực phát triển mới, Đại hội XIV cũng nhấn mạnh vai trò của thể chế như một yếu tố quyết định hiệu quả của quá trình phát triển. Theo lý thuyết thể chế của North (1990), thể chế đóng vai trò định hình các quy tắc của trò chơi trong nền kinh tế, từ đó ảnh hưởng đến hành vi của các chủ thể và hiệu quả phân bổ nguồn lực. Acemoglu và Robinson (2012) cũng chỉ ra rằng các quốc gia có thể chế bao trùm thường đạt được tăng trưởng bền vững hơn so với các quốc gia có thể chế khai thác. Trong trường hợp của Việt Nam, mặc dù đã có nhiều cải cách thể chế trong thời gian qua, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều rào cản, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý nhà nước và môi trường kinh doanh.

Ngoài ra, quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển bền vững cũng đặt ra nhiều thách thức. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và suy thoái môi

trường ngày càng gia tăng, việc phát triển kinh tế phải gắn liền với bảo vệ môi trường và sử dụng hiệu quả tài nguyên (UNDP, 2022). Tuy nhiên, đối với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam, việc cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường là một bài toán không dễ giải. Theo Stiglitz (2016), các quốc gia đang phát triển thường phải đối mặt với “bài toán đánh đổi” giữa tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững.

Một vấn đề quan trọng khác là năng lực quản trị quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, quản trị quốc gia không chỉ dừng lại ở việc ban hành chính sách mà còn phải bảo đảm khả năng thực thi hiệu quả (World Bank, 2023). Điều này đòi hỏi phải nâng cao năng lực của bộ máy nhà nước, tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình, đồng thời thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân và xã hội trong quá trình phát triển (OECD, 2022).

Từ các phân tích trên, có thể thấy rằng Đại hội XIV đã xác lập một hệ thống động lực phát triển mới mang tính toàn diện, bao gồm khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, nguồn nhân lực và thể chế. Tuy nhiên, các động lực này không tồn tại độc lập mà có mối quan hệ tương tác chặt chẽ với nhau. Ví dụ, chuyển đổi số không thể thành công nếu thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao và một môi trường thể chế phù hợp. Tương tự, đổi mới sáng tạo chỉ có thể phát triển khi có sự hỗ trợ của hệ thống giáo dục và chính sách khuyến khích phù hợp (OECD, 2022; World Bank, 2023).

Điều này dẫn đến một kết luận quan trọng: thành công của mô hình phát triển mới phụ thuộc vào khả năng phối hợp đồng bộ giữa các yếu tố. Nếu các chính sách được triển khai một cách rời rạc, thiếu liên kết, thì hiệu quả sẽ bị hạn chế. Ngược lại, nếu có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lĩnh vực, các động lực phát triển sẽ được phát huy tối đa, tạo ra hiệu ứng lan tỏa trong toàn bộ nền kinh tế (Rodrik, 2007; Acemoglu & Robinson, 2012).

Một điểm đáng lưu ý nữa là vai trò của hội nhập quốc tế trong việc thúc đẩy các động lực phát triển. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập không chỉ mang lại cơ hội tiếp cận thị trường mà còn tạo điều kiện tiếp thu công nghệ và tri thức từ bên

ngoài (World Bank, 2023). Tuy nhiên, hội nhập cũng đặt ra nhiều thách thức, đặc biệt là sự cạnh tranh ngày càng gay gắt và nguy cơ phụ thuộc vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Do đó, việc nâng cao năng lực nội tại của nền kinh tế là điều kiện tiên quyết để tận dụng hiệu quả các cơ hội từ hội nhập (OECD, 2022).

Tổng hợp lại, có thể khẳng định rằng Đại hội XIV đã đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong tư duy phát triển của Việt Nam. Tuy nhiên, để các định hướng chiến lược này thực sự đi vào cuộc sống, cần phải có những cải cách mạnh mẽ và đồng bộ trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là thể chế, nguồn nhân lực và quản trị quốc gia. Chính sự kết hợp giữa tư duy chiến lược đúng đắn và năng lực thực thi hiệu quả sẽ là yếu tố quyết định thành công của quá trình phát triển trong giai đoạn tới.

4. Kết luận

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong tư duy chiến lược về phát triển đất nước, thể hiện ở sự chuyển dịch từ mô hình tăng trưởng dựa trên các yếu tố truyền thống sang mô hình phát triển dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đây không chỉ là sự điều chỉnh về chính sách phát triển mà còn là sự thay đổi mang tính cấu trúc của nền kinh tế, phù hợp với xu thế vận động của kinh tế toàn cầu trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Schwab, 2016; OECD, 2022). Việc xác lập các động lực tăng trưởng mới cho thấy Đảng đã có sự nhận thức sâu sắc về những yêu cầu của thời đại, đồng thời thể hiện quyết tâm đổi mới mạnh mẽ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trên cơ sở phân tích, có thể khẳng định rằng hệ thống các động lực phát triển được xác lập tại Đại hội XIV mang tính toàn diện và có tính liên kết chặt chẽ, bao gồm khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, nguồn nhân lực chất lượng cao và thể chế phát triển. Đây là những yếu tố cốt lõi của mô hình phát triển hiện đại, đã được kiểm chứng trong thực tiễn phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới (Porter, 1990; World Bank, 2023). Trong đó, chuyển đổi số đóng vai trò nền tảng, tạo ra sự thay đổi căn bản trong

phương thức sản xuất và quản trị, trong khi đổi mới sáng tạo là động lực trực tiếp thúc đẩy nâng cao năng suất và giá trị gia tăng của nền kinh tế (OECD, 2022). Đồng thời, nguồn nhân lực chất lượng cao được xác định là yếu tố quyết định khả năng tiếp thu và phát triển công nghệ, còn thể chế là điều kiện bảo đảm cho việc vận hành hiệu quả của toàn bộ hệ thống động lực.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng thách thức lớn nhất đối với quá trình hiện thực hóa các định hướng chiến lược không nằm ở việc xác định đúng mục tiêu, mà ở năng lực tổ chức thực hiện. Khoảng cách giữa tư duy chiến lược và năng lực thực thi vẫn là vấn đề nổi bật trong bối cảnh hiện nay.

Bên cạnh đó, những thách thức về chất lượng nguồn nhân lực, mức độ sẵn sàng cho chuyển đổi số và yêu cầu phát triển bền vững cũng đặt ra những áp lực không nhỏ đối với quá trình triển khai các định hướng chiến lược. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, giữa phát triển nhanh và phát triển bền vững, đòi hỏi phải có cách tiếp cận chính sách linh hoạt và hiệu quả (UNDP, 2022; Stiglitz, 2016). Đồng thời, năng lực quản trị quốc gia cần được nâng cao nhằm bảo đảm tính nhất quán và hiệu quả trong quá trình thực thi chính sách (World Bank, 2023).

Từ những phân tích trên, có thể đi đến kết luận rằng Đại hội XIV đã mở ra một giai đoạn phát triển mới với những định hướng chiến lược đúng đắn và phù hợp với xu thế của thời đại. Tuy nhiên, để các định hướng này thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển, cần phải có những cải cách mạnh mẽ và đồng bộ về thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường năng lực quản trị quốc gia. Chỉ khi bảo đảm được sự thống nhất giữa tư duy chiến lược và năng lực thực thi, Việt Nam mới có thể tận dụng hiệu quả các cơ hội từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, qua đó hiện thực hóa mục tiêu trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Acemoglu, D., & Robinson, J. A. (2012). *Why nations*

fail: The origins of power, prosperity, and poverty. Crown Business.

2. Becker, G. S. (1993). *Human capital: A theoretical and empirical analysis, with special reference to education* (3rd ed.). University of Chicago Press

<https://doi.org/10.7208/chicago/9780226041223.001.0001>

3. Brynjolfsson, E., & McAfee, A. (2014). *The second machine age: Work, progress, and prosperity in a time of brilliant technologies*. W. W. Norton & Company.

4. Creswell, J. W. (2014). *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches* (4th ed.). SAGE Publications.

5. Hall, P. A. (1993). Policy paradigms, social learning, and the state: The case of economic policymaking in Britain. *Comparative Politics*, 25(3), 275-296

<https://doi.org/10.2307/422246>

6. North, D. C. (1990). *Institutions, institutional change and economic performance*. Cambridge University Press.

<https://doi.org/10.1017/CBO9780511808678>

7. OECD. (2022). *Digital transformation and productivity growth*. OECD Publishing

<https://doi.org/10.1787/7c9c1f4b-en>

8. Porter, M. E. (1990). *The competitive advantage of nations*. Free Press.

9. Rodrik, D. (2007). *One economics, many recipes: Globalization, institutions, and economic growth*. Princeton University Press.

<https://doi.org/10.1515/9781400829354>

10. Schmidt, V. A. (2008). *Discursive institutionalism: The explanatory power of ideas and discourse*. *Annual Review of Political Science*, 11, 303-326

<https://doi.org/10.1146/annurev.polisci.11.060606.135342>

11. Schwab, K. (2016). *The fourth industrial revolution*. World Economic Forum.

12. Stiglitz, J. E. (2016). *The great divide: Unequal societies and what we can do about them*. W. W. Norton & Company.

13. UNDP. (2022). *Human development report 2021/2022: Uncertain times, unsettled lives*. United Nations Development Programme

<https://doi.org/10.18356/9789211264517>

14. World Bank. (2023). *Vietnam development report 2023: Digital transformation for inclusive growth*. World Bank. <https://doi.org/10.1596/978-1-4648-1926-1>

15. Yin, R. K. (2018). *Case study research and applications: Design and methods* (6th ed.). SAGE Publications

16. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (Tập I). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

17. Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*.